

Số: /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
Quy định nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong
lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Giang trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Các căn cứ pháp lý

- Khoản 1 Điều 27, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”.

- Tại khoản 13, Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông (Thông tư số 69) “*Căn cứ vào khả năng kinh phí, vai trò thực tế của từng chức danh quy định tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư này, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương*”.

- Tại khoản 4, Điều 9 Thông tư số 69, “*Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn ngân sách địa phương*”.

2. Cơ sở thực tiễn

Việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi là nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động ngành giáo dục đào tạo. Ngày 26/4/2012, Liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế; theo đó UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND).

Đến nay đã có nhiều nội dung, định mức chi không còn phù hợp với thực tế; nhất là chế độ thù lao cho cán bộ thấp, một số nhiệm vụ chưa có định mức chi trong quyết định...dẫn đến khó khăn khi tổ chức thực hiện. Mặt khác, quy chế điều lệ tính chất một số cuộc thi, kỳ thi thay đổi, đối tượng làm thi có bổ sung; có những cuộc thi, hội thi theo quy định mới của Bộ GD&ĐT nhưng chưa được quy định định mức cụ thể.

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, cụ thể về nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Nội dung Nghị quyết không trái với các văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC; các khoản chi dựa trên nội dung quy định của quy chế các kỳ thi, cuộc thi, hội thi; mức chi được căn cứ vào Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND để tăng thêm khoảng từ 5% đến 10%, nhằm đảm bảo nguồn lực ngân sách nhà nước giao sự nghiệp giáo dục hàng năm và phù hợp với tình hình thực tiễn.

Về trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

UBND tỉnh đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố; Phòng GD&ĐT các huyện thành phố; các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT; được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định; Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo...

UBND tỉnh đã thông qua dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp ngày tháng 5 năm 2022.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết bố cục theo hình thức quy định trực tiếp gồm 3 Điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

Điều 2. Nội dung chi, mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

Điều 3. Điều khoản thi hành

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

- Nghị quyết quy định nội dung, mức chi trong thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang bao gồm: (1) thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia; (2) thi tuyển sinh đầu cấp; (3) thi tốt nghiệp trung học phổ thông; (4) thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi; (5) thi khoa học kỹ thuật; (6) thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông; (7) Các cuộc thi, hội thi: Thi văn nghệ; thi tìm hiểu kiến thức pháp luật; thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi cán bộ quản lý giỏi; hội thao giáo dục quốc phòng an ninh; các cuộc thi khảo sát, đánh giá; thi vẽ tranh; thi bé khỏe, đẹp, tài năng; thi giáo viên tài năng, duyên dáng; thi tin học trẻ.

- Đối tượng áp dụng: Nghị quyết áp dụng đối các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

- Nguyên tắc áp dụng: Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Mức chi tiền công quy định tại Nghị quyết này là mức chi quy định đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh; cấp huyện, cấp trường trung học phổ thông bằng 70% cấp tỉnh; cấp trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở bằng 60% cấp tỉnh.

Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2.2. Nội dung chi, mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

- Chi phí theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi: Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi (nếu có); chi thuê địa điểm thi, địa điểm chấm thi (nếu có); chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, nguyên vật liệu, trang thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi.

- Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra trước và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi: mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác

phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Tiền công chi cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ trong công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Các đơn vị, sở ngành đã thống nhất nội dung của dự thảo Nghị quyết, không có vấn đề xin ý kiến.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Quy định nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Xin gửi tài liệu kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; (2) Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo thẩm định của Đảng đoàn HĐND tỉnh; (4) Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số nội dung Nghị quyết trình HĐND tỉnh sau phiên họp tháng /2022./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT, KGVX, TH;
 - + Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương

PHỤ LỤC
NỘI DUNG, MỨC CHI CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI,
CUỘC THI, HỘI THI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /3/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi			Thuyết minh
			Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	
I	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp Quốc gia					
1	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng ra đề thi					
	- Chủ tịch	Người/ngày	315	340	8	
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	285	310	9	
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	250	270	8	
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	210	230	10	
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	210	220	5	
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	250	275	10	
	- Công an (cách ly)	Người/ngày	190	210	10	
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	190	200	5	
2	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng in sao					
	- Chủ tịch	Người/ngày	270	290	7	
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	235	250	6	
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	225	240	7	
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	190	220	10	
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	190	210	10	
	- Ủy viên, công an, thanh tra (cách ly)	Người/ngày	190	210	10	
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	190	200	5	
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	105	115	10	
	Tiền công cho Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi					
	- Trưởng ban	Người/ngày	240	260	8	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	225	240	7	
	- Ủy viên, công an	Người/ngày	190	205	8	
	- Phục vụ, lái xe	Người/ngày	100	110	10	
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng coi thi					
	- Trưởng điểm thi	Người/ngày	240	260	8	
	- Phó trưởng điểm thi	Người/ngày	225	245	9	
	- Thư ký	Người/ngày	210	230	10	
	- Ủy viên, giám thị, thanh tra, công an, quân đội.	Người/ngày	190	210	10	
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	100	110	10	
4	Tiền công cho các chức danh là thành viên Tổ làm phách					

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi			Thuyết minh
			Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	
	- Tổ trưởng	Người/ngày	240	260	8	
	- Ủy viên	Người/ngày	190	220	10	
5	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng chấm thi, Hội đồng chấm phúc khảo, Hội đồng chấm thẩm định bài thi					
	- Chủ tịch	Người/ngày	270	290	7	
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	250	270	8	
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	225	245	9	
	- Thư ký	Người/ngày	210	230	10	
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	26/bài	240		
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi		200		
	- Kỹ thuật viên	Người/ngày	315	340	8	
	- Công an	Người/ngày	190	200	5	
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	105	115	10	
6	Chi ăn cho thành viên Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly					Thông tư 69 quy định tại Điều 8, mục 5 trong thời gian thực tế ra đề in sao đề mức chi 150% mức chi công tác phí quy định tại NQ 33/2017/NQ-HĐND. Thời gian chờ thi xong thực hiện theo mức chi công tác phí quy định tại NQ 33/2017/NQ-HĐND
	- Thời gian thực tế ra đề, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150	225	50	
	- Thời gian chờ hết thời gian tổ chức thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150	150		
7	Tiền công tập huấn các đội tuyển học sinh giỏi văn hóa các cấp					
7.1	Chi ôn luyện đội tuyển quốc gia thi Olympic quốc tế					
	- Chi biên soạn và giảng dạy (giáo viên dạy đội tuyển, 3 tiết/buổi)	Tiết	200	300	50	Chi áp dụng với trường THPT Chuyên; Theo quy định tiền công áp dụng theo mức lương chuyên gia theo Thông tư 02. Mức chi cũ đang bất cập, chưa tạo điều kiện cho giáo viên dạy đội tuyển
	- Chi tiền ăn, nước uống cho học sinh đội tuyển	Người/ngày	160	180	10	
	- Chi cán bộ phụ trách lớp đội tuyển (gồm công tác quản lý và phục vụ)	Đội tuyển/ngày		60		

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi			Thuyết minh
			Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	
7.2	Chi đội tuyển ôn luyện thi học sinh giỏi văn hóa cấp quốc gia					Thời gian thanh toán không quá 3 tháng. Thi cấp tỉnh bằng 70% định mức này; Thi cấp huyện, TP bằng 70% cấp tỉnh
	- Chi biên soạn và giảng dạy (giáo viên dạy đội tuyển, 3 tiết/buổi)	Tiết	170	250	47	Chỉ áp dụng với trường THPT Chuyên; Theo quy định tiền công áp dụng theo mức lương chuyên gia theo Thông tư 02. Mức chi cũ đang bất cập, chưa tạo điều kiện cho giáo viên dạy đôi
	- Chi tiền ăn, nước uống cho học sinh đội tuyển	Người/ngày	30	30	0	
	- Chi cán bộ phụ trách lớp đội tuyển (gồm công tác quản lý và phục vụ)	Đội tuyển/ngày	40	45	10	
II	Thi tuyển sinh đầu cấp					
1	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng ra đề thi					
	- Chủ tịch	Người/ngày	315	340	8	
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	285	310	9	
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	250	270	8	
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	210	230	10	
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	210	220	5	
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	250	275	10	
	- Công an (cách ly)	Người/ngày	190	210	10	
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	190	200	5	
2	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng in sao					
	- Chủ tịch	Người/ngày	270	290	7	
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	235	250	6	
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	225	240	7	
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	190	220	10	
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	190	210	10	
	- Ủy viên, công an, thanh tra (cách ly)	Người/ngày	190	210	10	
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	190	200	5	
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	105	115	10	
	Tiền công cho Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi					
	- Trưởng ban	Người/ngày	240	260	8	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	225	240	7	
	- Ủy viên, công an	Người/ngày	190	205	8	
	- Phục vụ, lái xe	Người/ngày	100	110	10	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi			Thuyết minh
			Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban chỉ đạo					
	- Trưởng ban	Người/ngày	280	300	7	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	260	280	8	
	- Ủy viên	Người/ngày	220	245	10	
	- Thư ký	Người/ngày	220	235	7	
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày		160		
4	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng coi thi					
	- Chủ tịch	Người/ngày	240	260	8	
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	225	245	9	
	- Thư ký	Người/ngày	210	230	10	
	- Ủy viên, giám thị, thanh tra, công an, quân đội.	Người/ngày	190	210	10	
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	100	110	10	
5	Tiền công cho các chức danh là thành viên Tổ làm phách					
	- Tổ Trưởng	Người/ngày	240	260	8	
	- Ủy viên	Người/ngày	190	220	10	
6	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng chấm thi, Hội đồng chấm phúc khảo, Hội đồng chấm thẩm định bài thi					
	- Chủ tịch	Người/ngày	270	290	7	
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	250	270	8	
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	225	245	9	
	- Thư ký	Người/ngày	210	230	10	
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	13/bài	240		
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi		200		
	- Kỹ thuật viên	Người/ngày	315	340	8	
	- Công an	Người/ngày	190	200	5	
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	105	115	10	
7	Chi ăn cho thành viên Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly					Thông tư 69 quy định tại Điều 8, mục 5 trong thời gian thực tế ra đề in sao đề mức chi 150% mức chi công tác phí quy định tại NQ 33/2017/NQ-HĐND. Thời gian chờ thi xong thực hiện theo mức chi công tác phí quy định tại NQ 33/2017/NQ-HĐND
	- Thời gian thực tế ra đề, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150	225	50	
	- Thời gian chờ hết thời gian tổ chức thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150	150		

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi			Thuyết minh
			Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	
8	Chi tiền công Hội đồng xét tuyển sinh đầu cấp phổ thông					Xét công nhận tốt nghiệp THCS bằng 70% mức này
	- Chủ tịch	Người/ngày	180	195	8	
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	170	185	9	
	- Thư ký	Người/ngày	150	170	13	
	- Ủy viên	Người/ngày	150	165	10	
	- Phục vụ	Người/ngày	60	65	8	
III	Thi tốt nghiệp THPT					
1	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban in sao					
	- Trưởng ban	Người/ngày	270	290	7	
	- Phó trưởng ban (cách ly)	Người/ngày	235	250	6	
	- Phó trưởng ban (không cách ly)	Người/ngày	225	240	7	
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	190	220	10	
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	190	210	10	
	- Ủy viên, công an, thanh tra (cách ly)	Người/ngày	190	210	10	
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	190	200	5	
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	105	115	10	
	Tiền công cho Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi					
	- Trưởng ban	Người/ngày	240	260	8	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	225	240	7	
	- Ủy viên, công an	Người/ngày	190	205	8	
	- Phục vụ, lái xe	Người/ngày	100	110	10	
2	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban chỉ đạo					
	- Trưởng ban	Người/ngày	280	300	7	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	260	280	8	
	- Ủy viên	Người/ngày	220	245	10	
	- Thư ký	Người/ngày	220	235	7	
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày		160		
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng thi					
	- Chủ tịch	Người/ngày	260	280	8	
	- Phó Chủ tịch	Người/ngày	220	250	14	
	- Ủy viên	Người/ngày	220	240	9	
4	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban thư ký Hội đồng thi					
	- Trưởng ban	Người/ngày	220	240	9	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	210	225	7	
	- Ủy viên	Người/ngày	190	205	8	
5	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban coi thi					

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi			Thuyết minh
			Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	
	- Trưởng điểm thi	Người/ngày	240	260	8	
	- Phó trưởng điểm thi	Người/ngày	225	245	9	
	- Thư ký	Người/ngày	210	230	10	
	- Ủy viên, giám thị, thanh tra, công an, quân đội.	Người/ngày	190	210	10	
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	100	110	10	
6	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban làm phách					
	- Trưởng ban	Người/ngày	240	260	8	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	225	240	7	
	- Thư ký, ủy viên	Người/ngày	190	220	10	
	- Công an (cách ly)	Người/ngày	190	210	10	
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	190	200	5	
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày		110		
7	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo, Ban chấm thẩm định bài thi					
	- Trưởng ban	Người/ngày	270	290	7	
	- Phó trưởng ban (cách ly)	Người/ngày	250	270	8	
	- Phó trưởng ban (không cách ly)	Người/ngày	225	245	9	
	- Thư ký	Người/ngày	210	230	10	
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	14/bài	240		
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi		200		
	- Kỹ thuật viên	Người/ngày	315	340	8	
	- Công an	Người/ngày	190	200	5	
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	105	115	10	
8	Chi ăn cho thành viên Ban ra đề thi, Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly					Thông tư 69 quy định tại Điều 8, mục 5 trong thời gian thực tế ra đề in sao đề mức chi 150% mức chi công tác phí quy định tại NQ 33/2017/NQ-HĐND. Thời gian chờ thi xong thực hiện theo mức chi công tác phí quy định tại NQ 33/2017/NQ-HĐND
	- Thời gian thực tế in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150	225	50	
	- Thời gian chờ hết thời gian tổ chức thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150	150		
IV	Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi					
1	Chấm bản báo cáo biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, hồ sơ dự thi (chi phí của cả hội đồng)	Sáng kiến/Biện pháp	40	60	50	Quy chế thi quy định 01 biện pháp có 03 giám khảo chấm

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi			Thuyết minh
			Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	
2	Chi hội đồng chấm thi thực hành (trình bày biện pháp)	Giáo viên dự thi	300	200		Thông tư cũ quy định chấm 02 tiết thực hành, Thông tư mới quy định chấm 01 tiết
V	Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh					
1	Tiền công Hội đồng chấm thi					
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	270	290	7	
	- Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	250	270	8	
	- Ủy viên, Thư ký, giám khảo	Người/ngày	210	230	10	
	- Phục vụ	Người/ngày	100	110	10	
	- Giám khảo là các chuyên gia thuê ngoài	Người/ngày	Theo mức bồi dưỡng mời chuyên gia, BC viên	Theo mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên tại NQ số 27/2018/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2018		
2	Tổ giám sát					
	- Tổ trưởng	Người/ngày		250		
	- Thành viên	Người/ngày		230		
VI	Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông					Thi chứng chỉ nghề phổ thông do các Trường THPT tổ chức chi mức 70% thi cấp tỉnh
1	Tiền công Hội đồng ra đề thi, in sao đề thi					
	- Chủ tịch	Người/ngày		240		
	- Phó chủ tịch	Người/ngày		210		
	- Thư ký	Người/ngày		190		
	- Ủy viên ra đề lý thuyết và thực hành	Người/ngày	200/đề LT+thực hành	200		
	- Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày		110		
2	Tiền công Hội đồng coi thi					
	- Chủ tịch	Người/ngày	110	120	9	
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	100	110	10	
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi	Người/ngày	90	100	10	
	- Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	60	70	10	
3	Tiền công Hội đồng chấm thi					
	- Chủ tịch	Người/ngày		120		
	- Phó chủ tịch	Người/ngày		110		
	- Thư ký	Người/ngày		100		
	- Ủy viên chấm bài thi lý thuyết và thực hành	Người/ngày	6/bài	100		
	- Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày		70		

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi			Thuyết minh
			Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	
VII	Các cuộc thi khác: Thi văn nghệ. Thi tìm hiểu kiến thức pháp luật. Thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi. Thi cán bộ quản lý giỏi. Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh. Các cuộc khảo sát, đánh giá. Thi vẽ tranh. Thi Bé khỏe, đẹp, tài năng. Thi Giáo viên tài năng, duyên dáng. Thi tin học trẻ					Các cuộc thi này thực tế đã có nhưng Quyết định cũ chưa quy định chi tiết, khi thực hiện chỉ vận dụng các cuộc thi trên để thực hiện.
1	Chấm bản báo cáo sáng kiến kinh nghiệm/biện pháp (chi phí của cả hội đồng)	Sáng kiến		40		Áp dụng mức chi như các cuộc thi văn nghệ cấp tỉnh theo QĐ 12/2017/QĐ-UBND
2	Tiền công Ban tổ chức					
	- Trưởng ban	Người/ngày		250		
	- Phó trưởng ban	Người/ngày		220		
	- Thành viên	Người/ngày		190		
3	Tiền công Ban thư ký					
	- Trưởng ban	Người/ngày		190		
	- Thành viên	Người/ngày		170		
3	Tiền công Ban ra đề					
	- Trưởng ban	Người/ngày		210		
	- Thành viên	Người/ngày		190		
	- Phục vụ	Người/ngày		90		
4	Tiền công Ban giám khảo, Ban chấm thi/Hội đồng chấm thi					
	- Trưởng ban/Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	250	250		
	- Phó trưởng ban/Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	220	220		
	- Trưởng tiểu ban	Người/ngày		200		
	- Thành viên/Ủy viên, thư ký, giám khảo	Người/ngày	190	190		
	- Giám khảo là các chuyên gia thuê ngoài (đối với thi văn nghệ)	Người/ngày	Theo mức bồi dưỡng mời chuyên gia, BC viên	Theo mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên tại NQ số 27/2018/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2018		
	- Phục vụ	Người/ngày	90	90		
5	Chấm bài khảo sát, đánh giá (định mức này chi cho cán bộ chấm)	Bài		13		Áp dụng mức chi chấm bài thi TS đầu cấp theo QĐ 12/2017/QĐ-UBND